

Bản án số: 170/2024/HS-PT
Ngày 13-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 163/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 với bị cáo Phạm Thị M, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Phạm Thị M, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1979 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc G (đã chết) và bà Ngô Thị T; có chồng là Trịnh Văn R (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 25/2021/HS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 28/6/2023 (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2024 đến ngày 23/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết, khoảng 8 giờ 30 phút ngày 21/7/2024, Nguyễn Văn S, Phạm Văn H, Phạm Thị M và Đào Thị N đến nhà ông Đào Văn Q chơi. Lúc này, gia đình ông Q không có ai ở nhà, cả 04 người thống nhất đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà ông Q. Quy ước tỷ lệ 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng tương ứng với số tiền người chơi về thứ hai, ba, tư phải trả cho người về nhất; người nào chấy phải trả 200.000 đồng cho người về nhất; người nào được “ù” thì những người chơi còn lại mỗi người phải trả 300.000 đồng. Người ù sẽ bỏ ra 50.000 đồng để mọi người mua đồ ăn, nước uống sau khi đánh bạc xong. N lấy 02 bộ bài tú lơ khơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ) có sẵn ở nhà ông Q để các đối tượng đánh bạc. H dùng 2.900.000 đồng, M dùng 2.750.000 đồng, S dùng 2.000.000 đồng, N dùng 1.950.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm đánh bạc đến 11 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Lúc này, cả nhóm đã “ù” và bỏ ra ngoài chiếu bạc 550.000 đồng. Thu giữ tại chiếu bạc 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ E quân bài và tổng số tiền 9.600.000 đồng.

Trong vụ án này, ông Đào Văn Q và gia đình không ở nhà, không biết các đối tượng đánh bạc nên không bị xử lý.

Tại Bản án sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo M cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, hạng nhì và Giấy chứng nhận thương binh loại A của ông Phạm Quốc G (bản sao). Tại phiên tòa, bị cáo trình bày đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm nhưng không đồng ý về hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo M kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo phải chăm sóc mẹ già 74 tuổi và con nhỏ sinh năm 2009 do bị cáo đã ly hôn; bố đẻ bị cáo (ông Phạm Quốc G) là thương binh được tặng thưởng Huân chương; bản thân bị cáo bị bệnh bướu cổ “basedow”.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Bị cáo M kháng cáo trong thời hạn luật định, nhân thân bị cáo có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, mặc dù đã được xóa án tích nên không coi là tái phạm, tuy nhiên, bị cáo mới được xóa án tích chưa được 01 tháng thì lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có ý thức coi thường pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo M cung cấp tài liệu, chứng cứ là Huân

chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, hạng nhì và Giấy chứng nhận thương binh loại A của ông Phạm Quốc G (bản sao). Tuy nhiên, những tài liệu này đã là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo tại bản án sơ thẩm. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, phù hợp tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Xét kháng cáo của bị cáo:

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Trong khoảng từ 08 giờ 30 phút đến 11 giờ ngày 21/7/2024 tại nhà ông Đào Văn Q các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Thị M, Nguyễn Văn S và Đào Thị N đã có hành vi chơi bài tú lơ khơ được thua bằng tiền với số tiền là 9.600.000 đồng. Cụ thể, bị cáo H dùng 2.900.000 đồng, M dùng 2.750.000 đồng, S dùng 2.000.000 đồng, N dùng 1.950.000 đồng để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo Mơ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo

Mơ có bố đẻ ông Phạm Quốc G là thương binh, được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, hạng Ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

[6] Đây là vụ án có đồng phạm đơn giản, các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Thị M, Nguyễn Văn S và Đào Thị N đều phạm tội với tư cách là người thực hành tích cực, có vai trò cơ bản ngang nhau. Bị cáo Siu tham G1 đánh bạc với số tiền là 2.000.000 đồng thấp hơn so với số tiền đánh bạc của bị cáo H; nhân thân bị cáo có 01 tiền án với lỗi vô ý và đã được xóa án tích từ lâu nhưng vẫn cần đánh giá nhân thân bị cáo xấu nên mức án của bị cáo S phải cao hơn so với bị cáo H, N. Bị cáo H đánh bạc với số tiền cao nhất nhưng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn so với bị cáo N nên xử mức án của bị cáo Huy bằng với bị cáo N là phù hợp. Bị cáo M nhân thân có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, mặc dù đã được xóa án tích nên không coi là tái phạm, tuy nhiên, bị cáo mới được xóa án tích chưa được 01 tháng thì lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có ý thức coi thường pháp luật nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[7] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo M cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, hạng Ba và Giấy chứng nhận thương binh loại A của ông Phạm Quốc G. Tuy nhiên, tình tiết giảm nhẹ này đã được áp dụng cho bị cáo tại bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị M là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy về hình phạt đối với bị cáo M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; các điều 356; 465 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Thị M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/7/2024 đến ngày 23/7/2024.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện Kiến Thụy;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu